

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 14/01/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mậu

Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H’ Mi Chan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2021/QĐST-DS ngày 19/11/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị O, địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Số Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Phạm Văn H, địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3.2. Ông Phạm Hoàng N, địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:***

Trên mối quan hệ quen biết nhau vào ngày 04/7/2013 bà O có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền là 600.000.000 đồng, việc vay mượn không thể chấp giấy tờ gì, bà Đ có viết giấy và ký giấy vay tiền cho bà O làm tin, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là theo Ngân hàng. Theo giấy vay tiền mà bà O cung cấp cho Tòa án, bà Nguyễn Thị Đ trả tiền lãi cho bà O tổng cộng 03 lần là 100.000.000 đồng, khoản tiền gốc là 100.000.000 đồng vào ngày 06/01/2016. Cũng trong ngày 06/01/2016 bà Nguyễn Thị Đ có việc gấp nên vay thêm 100.000.000 đồng và bà Đ ghi chốt nợ bà O số tiền gốc là 500.000.000 đồng, hẹn khi nào bà O yêu cầu trả thì sẽ trả ngay, mục đích vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ là để đầu tư làm ăn, khi chốt nợ không ghi thời hạn trả và lãi suất. Tuy nhiên kể từ ngày chốt nợ ngày 06/01/2016 cho đến nay, bà Đ không trả cho bà O bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù bà O đã đòi rất nhiều lần, nhưng bà Đ cứ cố tình khất hết lần này đến lần khác mà không chịu trả. Ngày 09/12/2021, ông Phạm Hoàng N là con trai bà Đ cung cấp một giấy trả số tiền 50.000.000 đồng đề ngày 23/01/2017 thì bà O xác nhận đúng chữ ký, chữ viết của bà O, bà O xác nhận đây là số tiền trả vào nợ gốc.

Nay bà O xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, thụ lý giải quyết buộc một mình bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền còn nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà O không yêu cầu ông Phạm Văn H phải trả số tiền nợ trên.

**** Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H, ông Phạm Hoàng N đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.***

Tại Kết luận giám định số 99/KLGD-PC09 ngày 01/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, là do cùng một người ký và viết ra.”

Tại Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 05/2021/QĐ-TA ngày 21/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H theo thời hạn quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Đ, ông H không liên hệ làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H, ông Phạm Hoàng N vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Lê Thị O số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà O số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn bà Lê Thị O không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H vắng mặt; ông Phạm Hoàng N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H, ông Phạm Hoàng N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ gốc: Tại nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 20/4/2021, bà Lê Thị O khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H phải trả số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Chứng cứ mà bà O cung cấp là 01

giấy biên nhận nợ giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị O với nội dung: “Đến ngày 06/1/2016 chị Đào nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)”.

Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Đ tại giấy biên nhận nợ, theo đó Kết luận giám định số 99/KLGD-PC09 ngày 01/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên các mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, là do cùng một người ký và viết ra.”.

Ngày 09/12/2021, ông Phạm Hoàng N – Là con trai bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn H cung cấp 01 văn bản khổ a4 đề ngày 23/1/2017 có nội dung: “Em Lê Thị O có nhận của cháu N con mẹ Đ 50.000.000 đồng năm mươi triệu ...”. Bà O xác định đúng chữ ký, chữ viết của bà O, bà O xác nhận đây là số tiền trả vào nợ gốc.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị O thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Xác định việc vay nợ chỉ giữa bà O với bà Đ, ông Phạm Văn H – là chồng bà Đ không liên quan nên không yêu cầu ông H cùng trả khoản nợ.

Vì vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà O về việc đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Khi chốt nợ giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị O không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất, bà O cho rằng có đòi nợ nhưng do thân thiết nên chỉ nói miệng, không có tài liệu xác định được ngày cụ thể đòi trả nợ, thực tế ngày 23/1/2017 thì ông N – Là con trai bà Đ cũng đã trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, vì vậy HĐXX căn cứ vào thời điểm bà O nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để chấp nhận yêu cầu của bà O về việc buộc bà Đ phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày 14/01/2022 là $10\%/năm \times 450.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng}, 25 \text{ ngày} = 33.125.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng mà bà Đ đã trả bà O, được bà O xác nhận và không yêu cầu nữa, vì vậy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của bà Lê Thị O được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.425.000 đồng tiền chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và 5.670.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Lê Thị O được nhận lại tổng cộng 8.095.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị O được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $(450.000.000 \text{ đồng} + 33.125.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 24.156.250 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn bà Lê Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị O. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị O tổng số tiền 483.125.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày 14/01/2022 là 33.125.000 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

*** Về chi phí tố tụng:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.425.000 đồng tiền chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và 5.670.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Lê Thị O được nhận lại tổng cộng 8.095.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Đ.

*** Về án phí:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 24.156.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị O số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Trần Văn K nộp thay), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0003948 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh